

Số 833 /BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết Về giao biên chế công chức hành chính nhà nước; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tờ trình số 180/TTr - UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê chuẩn tổng biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về giao biên chế công chức hành chính; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 đã căn cứ các văn bản pháp luật: Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

3. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về việc giao biên chế công chức hành chính nhà nước; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh là 64.728, giảm 201 người với số giao năm 2016, cụ thể như sau:

a) Biên chế công chức hành chính và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là: 4.275, giảm 76 người so với số giao năm 2016, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: 4.119 người, giảm 232 người so với số giao năm 2016.

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 156 người.

b) Số lượng người làm việc: 60.453 người, giảm 125 người so với số giao năm 2016, cụ thể như sau:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 50.608 người, giảm 54 người so với số giao năm 2016

- Sự nghiệp y tế: 7.500 người, bằng số giao năm 2016.

- Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể thao: 1.007 người, giảm 43 người so với số giao năm 2016

- Sự nghiệp khác: 1.338 người, giảm 28 người so với số giao năm 2016.

c) Biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc dự phòng: 594 người, trong đó: Biên chế công chức hành chính dự phòng 33 biên chế và số lượng người làm việc dự phòng 561 người.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc giao biên chế công chức hành chính nhà nước; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 là 64.728 người.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao biên chế công chức hành chính nhà nước; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017.

- Chỉ đạo các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc quản lý, tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức, đảm bảo theo đúng chỉ tiêu biên chế mà Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức hành chính nhà nước; tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017.

Ban Pháp chế kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh
- Lưu VT; PCHĐND tỉnh.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Trần Quang Đăng

Số 834 /BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo nghị quyết quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với
cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được
công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tờ trình số 179/TTr - UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư với các nội dung, như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Ngày 28 tháng 12 năm 2005 Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 29/2005/NQ - HĐND quy định chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Sau 10 năm thực hiện, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện Nghị quyết nêu trên đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập.

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 4; điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư thay thế Nghị quyết số 29/2005/NQ - HĐND là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế, khả năng ngân sách địa phương và đúng quy định của pháp luật.

2. Dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư đã căn cứ các văn bản pháp luật: Nghị định số 18/2010/NĐ - CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Thông tư số 19/2014/TT- BNV ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức; Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày

21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3. Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư với các nội dung sau:

3.1 Đối tượng được hưởng kinh phí hỗ trợ và thưởng

a) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị) là cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc trong nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ: Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II (sau đây gọi chung là đào tạo sau đại học) ở trong nước và ở nước ngoài (không kể những khóa học chuyển đổi bằng tương đương) hoặc đào tạo cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị.

b) Viên chức làm công tác nghiên cứu, hoạt động khoa học, hoạt động nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực: Y tế, khoa học công nghệ, nông nghiệp và các trường đại học, cao đẳng được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ sau đại học ở trong nước và ở nước ngoài (không kể những khóa học chuyển đổi bằng tương đương).

c) Cán bộ, công chức cấp xã công tác tại các xã miền núi, xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã đảo (do cấp có thẩm quyền công nhận) được cơ quan có thẩm quyền cử đi tạo trình độ đại học, cao đẳng chuyên môn; trung cấp lý luận chính trị.

d) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư và được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

3.2 Điều kiện được cử đi đào tạo

a) Đào tạo sau đại học:

- Đối với cán bộ, công chức:

+ Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên và ít nhất có 02 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ;

+ Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; không quá 45 tuổi đối với nữ và 50 tuổi đối với nam tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần tiếp theo;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị (hoặc các cơ quan, đơn vị khác thuộc tỉnh quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền) sau khi hoàn

thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo. Đối với trường hợp cử đi đào tạo lần tiếp theo, nếu thời gian công tác còn lại ít hơn 02 lần thời gian đào tạo thì cam kết thực hiện nhiệm vụ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định;

+ Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, chức danh đang đảm nhiệm hoặc được quy hoạch;

+ Có năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

- Đối với viên chức:

+ Không trong thời gian tập sự; không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; không quá 45 tuổi đối với nữ và 50 tuổi đối nam tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần tiếp theo;

+ Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị (hoặc các cơ quan, đơn vị khác thuộc tình quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền) sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo. Đối với trường hợp cử đi đào tạo lần tiếp theo, nếu thời gian công tác còn lại ít hơn 02 lần thời gian đào tạo thì cam kết thực hiện nhiệm vụ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định;

+ Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;

+ Có năng lực và trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

b) Đào tạo cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị: Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và cơ sở đào tạo.

c) Đào tạo đại học, cao đẳng chuyên môn; trung cấp lý luận chính trị: Cán bộ, công chức xã được cử đi đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chuyên môn; trung cấp lý luận chính trị trong trường hợp nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tiêu chuẩn chức danh đang đảm nhiệm và theo quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức của xã; có cam kết thực hiện nhiệm vụ tại địa phương hoặc các cơ quan, đơn vị, địa phương khác thuộc huyện quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

3. 3 Mức hỗ trợ, mức thưởng

a) Hỗ trợ trong thời gian đào tạo sau đại học:

- Trình độ Tiến sĩ:

+ Đào tạo ngoài tỉnh: Hỗ trợ 20 (hai mươi) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

+ Đào tạo trong tỉnh: Hỗ trợ 18 (mười tám) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

- Trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II:

+ Đào tạo ngoài tỉnh: Hỗ trợ 15 (mười lăm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

+ Đào tạo trong tỉnh: Hỗ trợ 12 (mười hai) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

- Trình độ Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp I:

+ Đào tạo ngoài tỉnh: Hỗ trợ 10 (mười) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

+ Đào tạo trong tỉnh: Hỗ trợ 8 (tám) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

b) Hỗ trợ trong thời gian đào tạo đại học, cao đẳng chuyên môn (cả trong và ngoài tỉnh): Hỗ trợ 8 (tám) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

c) Hỗ trợ trong thời gian đào tạo trình độ cử nhân chính trị, cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị:

- Đào tạo ngoài tỉnh: Thực hiện theo quy định hiện hành của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Đào tạo trong tỉnh: Hỗ trợ 6 (sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

d) Hỗ trợ đặc thù trong thời gian đào tạo:

Hỗ trợ đặc thù áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết này được cử đi đào tạo, ngoài mức hỗ trợ chung còn được hỗ trợ thêm 1 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa; trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là nữ đang nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi được hỗ trợ thêm 1,5 (một phẩy năm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/khóa.

đ) Hỗ trợ một lần sau khi nhận văn bằng tốt nghiệp sau đại học:

- Trình độ Tiến sĩ, mức hỗ trợ bằng 25 (hai lăm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người.

- Trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II, mức hỗ trợ bằng 20 (hai mươi) lần mức lương cơ sở hiện hành/người.

- Trình độ Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, mức hỗ trợ bằng 15 (mười lăm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người.

e) Mức thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư:

- Chức danh Giáo sư được thưởng 50 (năm mươi) lần mức lương cơ sở hiện hành/người.

- Chức danh Phó Giáo sư được thưởng 35 (ba lăm) lần mức lương cơ sở hiện hành/người.

3. 4 Nguồn kinh phí hỗ trợ và thưởng

Nguồn kinh phí hỗ trợ và thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành quyết định quy định việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

- Chỉ đạo các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

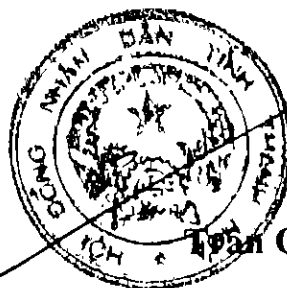
Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

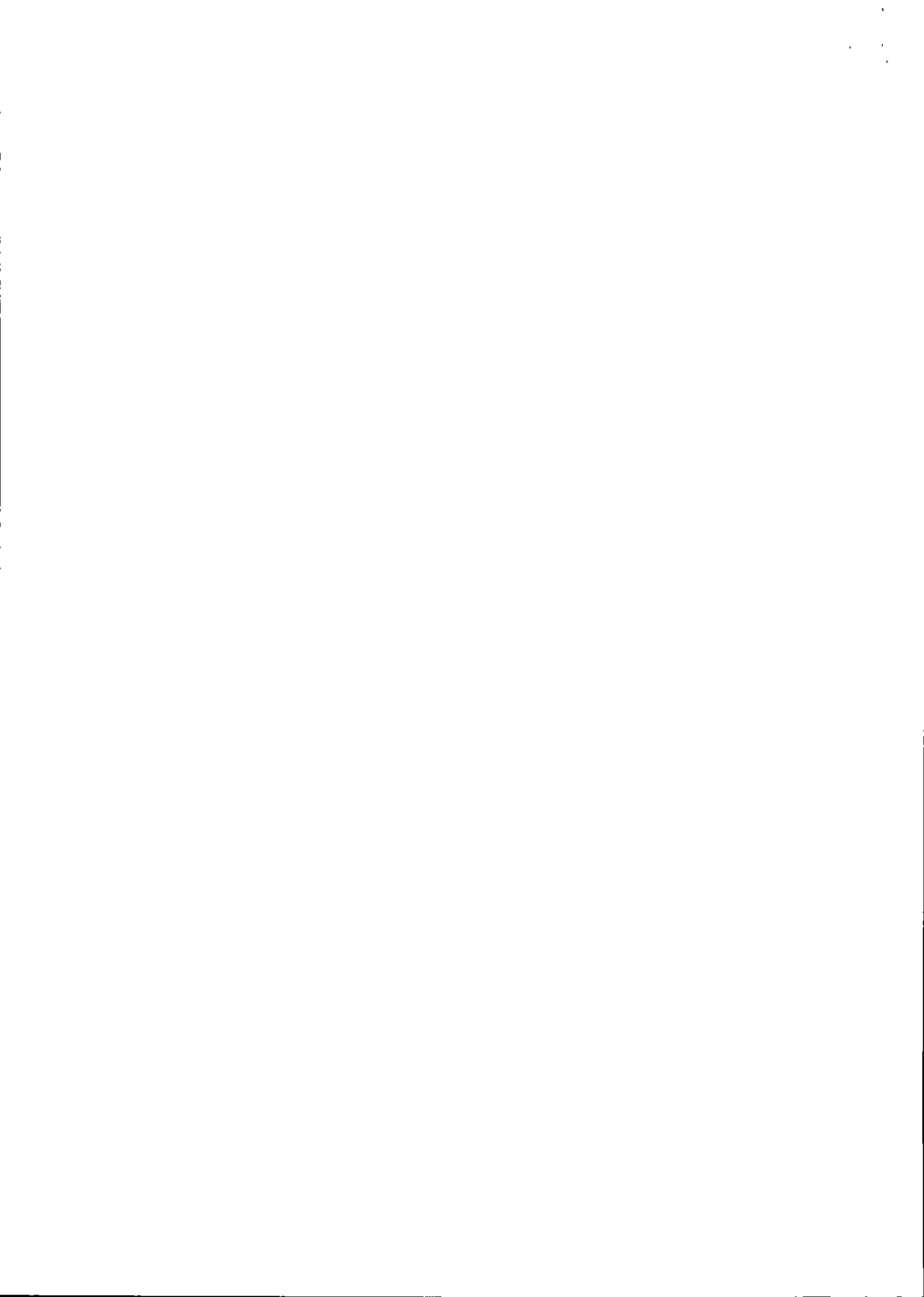
Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT; PCHĐND tỉnh.

TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN



Trần Quang Đăng



Số 832 /BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết về đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tờ trình số 140/TTr - UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn với các nội dung, như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Thị trấn Nga Sơn nằm ở trung tâm của huyện Nga Sơn, được thành lập tháng 12 năm 1988 theo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, nay là Chính Phủ. Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng đô thị được cải thiện, các trục đường liên xã và các công trình công cộng phục vụ đời sống dân sinh được làm mới. Tuy nhiên, hiện nay thị trấn Nga Sơn chưa có tên đường, phố.

Để thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ người dân Nga Sơn. Căn cứ quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn là cần thiết, đúng quy định của pháp luật.

2. Dự thảo Nghị quyết đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn đã căn cứ các văn bản pháp luật: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/03/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

3. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, cụ thể như sau:

Đặt tên 16 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn là: Đường Ba Đình, đường Mai An Tiêm, đường Đinh Công Tráng, đường Phạm Bành, đường Hoàng Bật Đạt, đường Trịnh Minh, đường Từ Thức, đường Hưng Long, đường Mai Anh

Tuấn, đường Hoàng Việt Long, đường Yên Hạnh, đường Lê Thị Hoa, đường Phạm Minh Thanh, đường Tiên Phước, đường Mai Lập Đôn, đường Mậu Tài.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc đặt tên 16 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành Quyết định việc đặt tên 16 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn,

- Chi đạo UBND huyện Nga Sơn và các ngành có liên quan tổ chức thực hiện việc gắn biển tên 16 tuyến đường theo đúng quy định; thực hiện công tác quản lý nhà nước và tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý nghĩa lịch sử của tên các danh nhân, danh lam thắng cảnh, các địa danh được chọn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT; PCHĐND tỉnh.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Trần Quang Đăng

Số 831 /BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thành lập mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Tờ trình số 175/TTr - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa với các nội dung sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Khu chung cư phường Phú Sơn có 665 hộ với 2.047 nhân khẩu nhưng hiện nay chưa được thành lập phố nên việc quản lý hành chính của chính quyền địa phương gặp nhiều khó khăn.

Căn cứ quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 6, Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thành lập phố mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc thành lập mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa đã căn cứ các văn bản pháp luật: Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về việc thành lập mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hóa có diện tích 3,82 ha, dân số 665 hộ với 2.047 nhân khẩu.

- Phía Đông giáp khu dân cư mặt bằng 34 phố Tây Sơn 2; phía Tây giáp mặt bằng 1/500 khu dân cư Tân Thọ; phía Nam giáp phố Phú Thọ 4; phía Bắc giáp khu dân cư mặt bằng 212 phố Tây Sơn 2.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc thành lập mới phố Tây Sơn 4 thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

2. Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập mới phố Tây Sơn 4, thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về việc thành lập mới phố Tây Sơn 4, thuộc phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa.

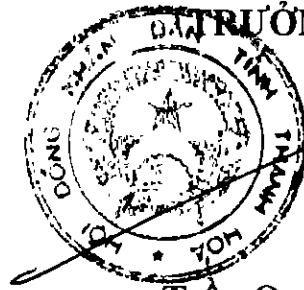
Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT; PCHĐND tỉnh.

TM. BAN PHÁP CHẾ

ĐẠI TRƯỞNG BAN



Trần Quang Đăng

Số 836 /BC - HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo nghị quyết

Về việc đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập Thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết và kèm theo Tờ trình số 178/TTr - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập Thành phố Sầm Sơn, thuộc tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Thị xã Sầm Sơn có diện tích tự nhiên 4.494,24 ha, dân số 150.902 người, 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 04 phường và 07 xã. Là địa bàn giáp ranh với khu vực nội thị của thị xã Sầm Sơn, có vị trí địa lý thuận lợi tiếp giáp với Thành phố Thanh Hóa, nên các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa đang diễn ra ở thị xã Sầm Sơn và Thành phố Thanh Hóa. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và việc mở rộng không gian đô thị đã có những tác động tích cực với sự phát triển của 4 xã nhưng cũng có những khó khăn nhất định đối với công tác tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền các xã. Việc tổ chức theo mô hình chính quyền xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị.

2. Để xây dựng Sầm Sơn trở thành đô thị du lịch trọng điểm quốc gia, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, phát triển du lịch, việc đề nghị thành lập Thành phố Sầm Sơn trực thuộc tỉnh Thanh Hóa là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

3. Việc đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Thành phố Sầm Sơn trực thuộc tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ các văn bản pháp luật: Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH 13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

4. Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết về việc đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Thành phố Sầm Sơn, trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

a) Việc thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn về : Quy mô dân số; diện tích tự nhiên; cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.

b) Thành phố Sầm Sơn có 4.494,24 ha diện tích tự nhiên, dân số 150.902 người và 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 08 phường: Bắc Sơn, Trung Sơn, Trường Sơn, Quang Tiến, Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh và 03 xã: Quảng Minh, Quảng Hùng, Quảng Đại.

- Địa giới hành chính Thành phố Sầm Sơn: Phía Bắc giáp huyện Hoàng Hóa, phía Nam giáp huyện Quảng Xương, phía Tây giáp huyện Quảng Xương và Thành phố Thanh Hóa, phía Đông giáp Biển đông.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập Thành phố Sầm Sơn, trực thuộc tỉnh Thanh Hóa.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh: Sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết đề nghị thành lập các phường: Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn, trực thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; PCHĐND tỉnh.

TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN



Trần Quang Đăng

Số 835/BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết

Đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết và kèm theo Tờ trình số 177/TTr - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III với các nội dung sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Thị xã Sầm Sơn - đô thị lớn thứ hai của tỉnh Thanh Hóa, là địa bàn kinh tế trọng điểm của tỉnh. Thị xã là một trong những trung tâm du lịch biển của cả nước với thế mạnh phát triển ngành dịch vụ du lịch và khai thác, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Việc đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn là đô thị loại III sẽ tạo tiền đề, động lực để Sầm Sơn phát triển trong những năm tiếp theo, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa và quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III đã căn cứ các văn bản pháp luật: Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3. Ban Pháp chế HĐND tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III.

Theo 5 tiêu chí phân loại đô thị, tổng số điểm của thị xã Sầm Sơn đạt 83,54 điểm/100 điểm tối đa. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số

1210/2016/UBTVQH 13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về phân loại đô thị, thị xã Sầm Sơn đủ điều kiện để xét công nhận là đô thị loại III.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết đề nghị công nhận thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là đô thị loại III.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT; PCHĐND tỉnh.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Trần Quang Đăng

Số 837/BC- HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Về đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Ban Pháp chế HĐND tỉnh tiến hành xem xét, thẩm tra dự thảo Nghị quyết và kèm theo Tờ trình số 176/TTr - UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, kết quả như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Thị trấn Ngọc Lặc là đô thị trực thuộc huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Là đầu mối giao thông quan trọng trong việc liên lạc, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các khu vực vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ quy định điểm a, khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

2. Việc đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, đã căn cứ các văn bản pháp luật: Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với dự thảo nghị quyết đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Theo 5 tiêu chí phân loại đô thị, tổng số điểm của thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng đạt 87,34/100 điểm tối đa. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng đủ điều kiện để xét công nhận đạt tiêu chuẩn là đô thị loại IV.

II. ĐỀ NGHỊ

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

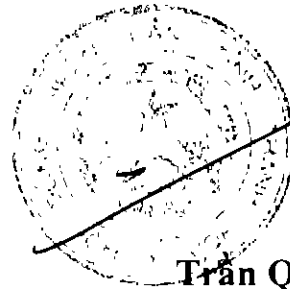
Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về đề nghị công nhận thị trấn Ngọc Lặc và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Ngọc Lặc đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT; PC HĐND tỉnh.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



Trần Quang Đăng